

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 309/2022/DS-PT

Ngày: 12-12-2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

Bà Trần Thị Kim Em

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*
Bà Hà Ngọc Thu Trúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07, 12 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 192/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 372/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trình Thị Ngọc D, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. Chị Đoàn Thu H, sinh năm 1973 (có mặt);

2. Anh Lưu Bé N, sinh năm 1970 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 57, Tổ 2, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị Trình Thị H, sinh năm 1967 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Đoàn Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn chị Trình Thị Ngọc D trình bày:

Trước đây, chị có cho chị Đoàn Thu H vay hai lần tiền, mỗi lần 20.000.000 đồng. Lần đầu làm biên nhận có chị H và con gái chị H ký tên nhưng sau đó đã trả xong nên chị đã hủy biên nhận, nay không nhớ rõ ngày tháng và cũng không nhớ rõ thời gian phía chị H trả nợ. Sau khi vay lần 1, khoảng 01 tháng sau vào ngày 26-6-2017 âm lịch, chị H vay tiếp của chị 20.000.000 đồng, hẹn đến tháng 10-2017 sẽ trả, thỏa thuận lãi suất theo mức cứ 10.000.000 đồng thì mỗi tháng đóng 200.000 đồng. Chị H đóng lãi cho chị được 02 tháng vào tháng 7, 8 năm 2017 âm lịch với số tiền 800.000 đồng sau đó thì không đóng nữa. Chị có đòi nhiều lần, đến khoảng năm 2020 anh N có trả cho chị được 02 lần tiền lãi, một lần đưa chị Phạm Thị L gửi giùm 3.000.000 đồng, một lần đưa chị Trình Thị H trả giùm 1.000.000 đồng. Từ đó đến nay chị yêu cầu anh N, chị H nhiều lần nhưng không trả nợ. Nay chị yêu cầu anh N, chị H cùng trả cho chị 20.000.000 đồng tiền nợ, không yêu cầu tính lãi vì thời gian từ khi vay đến nay có trả lãi được 4.800.000 đồng.

Bị đơn anh Lưu Bé N trình bày:

Anh và chị H là vợ chồng, do chị H bị bệnh nên không đến Tòa được. Trước đây vợ anh có vay tiền của chị D 02 lần, lần đầu vay 20.000.000 đồng ngày 26-6-2017 âm lịch mà nay chị D dùng biên nhận khởi kiện, lần vay tiền này vợ anh đã trả lãi mỗi tháng 2.000.000 đồng trong suốt hai năm, chỉ một vài kỳ không đóng. Đến khoảng tháng 7-8 năm 2019, anh trả cho chị D 20.000.000 đồng tiền vốn nên đã hết nợ. Biên nhận ngày 26-6-2017 âm lịch do chị D nộp vợ anh có ký tên, nhưng biên nhận này đã trả nợ rồi nên không còn giá trị. Do quen biết nên anh không lấy lại biên nhận, khi đóng lãi hai bên cũng không có làm giấy tờ gì, anh có dặn chị D không cho vợ anh vay tiền nữa. Tuy nhiên, sau đó chị D vẫn cho vợ anh vay tiếp 15.000.000 đồng vào khoảng tháng 2-3 năm 2020, thỏa thuận lãi cứ 1.000.000 đồng thì mỗi tháng đóng 75.000 đồng. Lần vay thứ hai này, anh có gửi trả cho chị D thông qua chị L bán tạp hóa chợ Tam Bình 3.000.000 đồng, và gửi chị ruột chị D là chị H 1.000.000 đồng, tổng cộng anh đã trả vốn được 4.000.000 đồng. Do đó, nay vợ chồng anh chỉ còn nợ chị D 11.000.000 đồng, anh đồng ý trả nhưng xin trả dần.

Bị đơn chị Đoàn Thu H trình bày: Chị thống nhất với lời khai của chồng chị là anh Lưu Bé N. Nay vợ chồng chị còn nợ chị D số tiền 11.000.000 đồng là của lần vay tiền 15.000.000 đồng chứ không phải lần vay 20.000.000 đồng như chị D nêu nên chị đồng ý trả cho chị D 11.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 192/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Khoản 3

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trình Thị Ngọc D. Buộc chị Đoàn Thu H, anh Lưu Bé N có nghĩa vụ trả cho chị Trình Thị Ngọc D số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu) đồng, trả làm một lần.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20/9/2022, bị đơn chị Đoàn Thu H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho bà trả cho bà D số tiền 11.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Đoàn Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả cho chị Trình Thị Ngọc D số tiền 20.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở vì chị D không có chứng cứ chứng minh đã trả số tiền nợ 20.000.000 đồng theo biên nhận ngày 26/6/2017. Đồng thời, phía nguyên đơn không thừa nhận có cho bị đơn vay số tiền 15.000.000 đồng như lời trình bày của chị H. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đoàn Thu H, giữ y bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Đoàn Thu H thực hiện đúng quy định theo Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng quy định Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 là đúng quy định.

Về sự có mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị L, chị Trình Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, chị H.

[2] Về nội dung: Các bên đương sự trình bày thống nhất việc vay tiền giữa các bên được thực hiện từ năm 2017 tại thời điểm vay tiền các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và các bên tự nguyện giao kết hợp đồng. Bị đơn chị H không thừa nhận có nợ của chị D số tiền 20.000.000 đồng theo biên nhận ngày 26/6/2017, vì chị H đã trả đủ số tiền 20.000.000 đồng vào năm 2019. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào biên nhận ngày 26/6/2017 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Đoàn Thu H trả số tiền 20.000.000 đồng cho chị D là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét thấy yêu cầu kháng cáo của chị H không đồng ý trả cho chị D số tiền 20.000.000 đồng là không có cơ sở vì:

Xét căn cứ biên nhận ngày 26/6/2017 thể hiện số tiền vay 20.000.000 đồng hạn tháng 10/2017 trả tiền. Chị H cho rằng năm 2019 chồng chị là anh Lưu Bé N đã trả cho chị D số tiền 20.000.000 đồng nhưng không lấy biên nhận nợ lại, sau đó chị H vay tiếp 15.000.000 đồng. Lần vay thứ hai này anh Bé N có trả cho chị D thông qua chị L 3.000.000 đồng và gửi chị H (chị ruột của chị D) 1.000.000 đồng. Tổng cộng anh N trả được 4.000.000 đồng vốn nên còn nợ chị D 11.000.000 đồng. Xét việc trả tiền của anh Bé N cho chị D không có chứng cứ chứng minh. Đồng thời, lời trình bày của bị đơn không được phía nguyên đơn thừa nhận, bị đơn không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Đoàn Thu H.

[4] Từ những phân tích trên xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Đoàn Thu H không có cơ sở chấp nhận. Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên chị H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đoàn Thu H. Giữ y bản án sơ thẩm số 192/2022/DS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trình Thị Ngọc D. Buộc chị Đoàn Thu H, anh Lưu Bé N có nghĩa vụ trả cho chị Trình Thị Ngọc D số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Chị Đoàn Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016634 ngày 20/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, xem như chị H đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Chị Đoàn Thu H, anh Lưu Bé N phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại chị Trình Thị Ngọc D số tiền 500.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001564 ngày 23/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 14 giờ 00 phút ngày 12/12/2022 có mặt nghe tuyên án chị D, chị H, anh Bé N./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp Thúy